TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2097/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 22 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1807/2018/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Thị A, cư trú tại: 82/3 Đường M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn B, cư trú tại: 82/3 Đường M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các biên bản tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn B và bà Lê Thị A thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn B và bà Lê Thị A có 01 con chung tên Nguyễn Lê C, sinh ngày 16/6/2014, hai bên thỏa thuận giao con chung Nguyễn Lê C cho bà Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị A không yêu cầu ông Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn B và bà Lê Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, ông Nguyễn B và bà Lê Thị A phải chịu.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn B và bà Lê Thị A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014 quyển số 1/2014 ngày 06/3/2014 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn B và bà Lê Thị A hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Ông Nguyễn B và bà Lê Thị A thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Lê C, sinh ngày 16/6/2014 cho bà Lê Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị A không yêu cầu ông Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong quá trình nuôi dưỡng, các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn B và bà Lê Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, ông Nguyễn B và bà Lê Thị A phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0005504 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn B và bà Lê Thị A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.T ;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND Phường N, Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hiền Long